

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;

2. Ông Vũ Duy Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1987; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Th, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn V, xã Th, huyện L, thành phố Hải Phòng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Th, xã Q, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (có mặt).

- Người làm chứng: Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn V, xã Th, huyện L, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, huyện Gi tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào

ngày 14/10/2015. Sau khi kết hôn, hai người sống cùng gia đình anh Nh tại xã Q, huyện Gi, anh chị chung sống hạnh phúc được một gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm sống, tính nết không hợp nhau, anh Nh có tính gia trưởng, hay ghen tuông vô cớ rồi đánh chửi chị. Đầu năm 2018 anh Nh đi lao động tại Nhật Bản đến cuối năm 2020 thì về nước nhưng anh vẫn không thay đổi tính nết. Do mâu thuẫn, tháng 01 năm 2021 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện L, thành phố Hải Phòng sống, cũng từ đó hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Nh có 01 con là Nguyễn Ái Nh, sinh ngày 2.././2016, hiện đang ở với chị. Chị đề nghị, sau khi ly hôn Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng cho con; hiện chị đang làm tại quán làm đẹp (Spa) có mức thu nhập ổn định khoảng 8 triệu đồng/tháng, được bố mẹ đẻ hỗ trợ chỗ ở và trông nom, chăm sóc con nên chị đủ điều kiện để nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn Nh trình bày: Quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị T trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có biểu hiện quan hệ bất chính, đối xử hỗn láo, lạnh nhạt với anh. Tháng 01 năm 2021 do nóng giận anh đã tát chị T mấy cái nên chị T đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ tại huyện L, thành phố Hải Phòng, cũng từ đó hai người sống ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung, anh đề nghị Tòa án giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con; hiện do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên anh chưa có việc làm, không có thu nhập.

Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn gửi Tòa án, bà Vũ Thị Ng là mẹ đẻ của chị T trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung giữa chị T và anh Nh đúng như chị T trình bày. Bà đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn theo nguyện vọng của chị T, gia đình bà sẽ hỗ trợ chị T về chỗ ở và trông nom, chăm sóc con nếu Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh, chính quyền địa phương xã Q cung cấp: Địa phương xã Q xác định hôn nhân giữa chị T và anh Nh là hợp pháp, quá trình chung sống hai người đã phát sinh mâu thuẫn, có lần anh Nh đã tát chị T, hiện hai người sống ly thân, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T theo quy định của pháp luật và giao con cho bên nào có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc tốt hơn để đảm bảo quyền lợi cho con.

Tại phiên Tòa: Chị T vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Nh, chị đề nghị Tòa án giao con cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng cho con; anh Nh nhất trí ly hôn với chị T, anh đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng, anh cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, anh chị không có bất kỳ yêu cầu, đề nghị nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đào Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn Nh; giao con cho chị T nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng cho con; chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo, triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải song anh Nh vắng mặt không có lý do; chị T đề nghị không tiến hành hòa giải, xét xử vắng mặt chị nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

[2] Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Q, huyện Gi nơi sinh sống của anh Nh tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị T và anh Nh là hợp pháp.

[3] Do vợ chồng mâu thuẫn, anh Nh đã có hành vi tát chị T nên chị đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ của chị ở huyện L, thành phố Hải Phòng từ tháng 01 năm 2021 đến nay, hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, anh Nh nhất trí. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh Nh có hành vi bạo lực gia đình (tát chị T) dẫn đến việc anh chị không chung sống cùng nhau, không

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 01 năm 2021 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T ly hôn anh Nh.

[4] Về quan hệ chung: Anh chị có 01 con là Nguyễn Ái Nh, sinh ngày 2../../2016 hiện chị T đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, cả chị T và anh Nh đều có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng, hiện chị T ở cùng bố mẹ đẻ, có công việc và thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 8000.000 (tám triệu đồng)/tháng, được bố mẹ đẻ hỗ trợ trong việc trông nom, chăm sóc con nên chị T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, thực tế từ khi sinh con ra đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, trong khi anh Nh hiện chưa có việc làm, không có thu nhập. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Nh phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Đào Thị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đào Thị T ly hôn anh Nguyễn Văn Nh.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Đào Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Nguyễn Ái Nh, sinh ngày 2../../2016 cho đến khi con đủ 18 tuổi (trưởng thành); chấp nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Nh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Nguyễn Văn Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004490, ngày 07 tháng 5 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Đào Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Kiến Quốc, H.Ninh Giang;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Quân